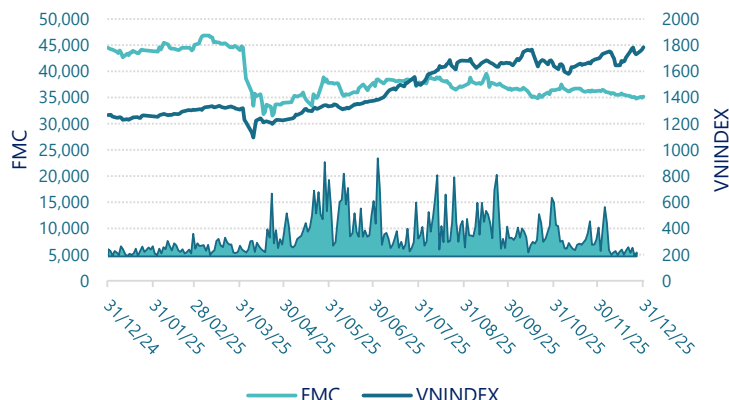




CTCP Thực phẩm Sao Ta (HSX: FMC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	35,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,847
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,547
SL cổ phiếu LH	65,388,889
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,790
% sở hữu nước ngoài	30.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,302
P/E	6.3
EPS	5,592

DT thuần

Q4/25

1,556

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,428| -47.9%

YoY: ▲ 192| 14.0%

LN sau thuế

Q4/25

166

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 54.0| 47.8%

YoY: ▼21.0| -11.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.5%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

2025

8,406

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,493| 21.6%

LN sau thuế

2025

417

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00| -1.4%

ROE

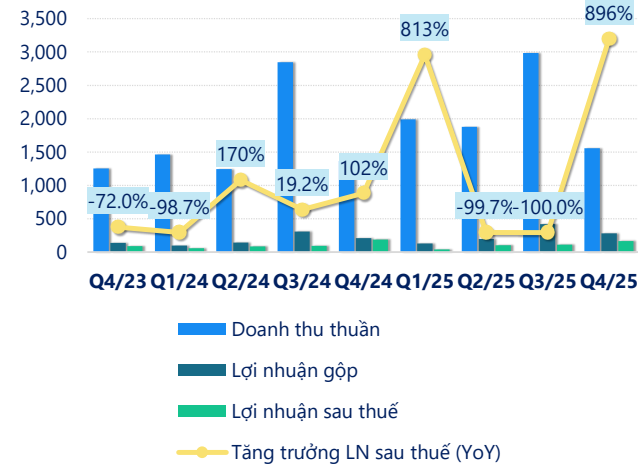
2025

14.3%

+/- YoY: ▲ 1.3%

tỷ VNĐ

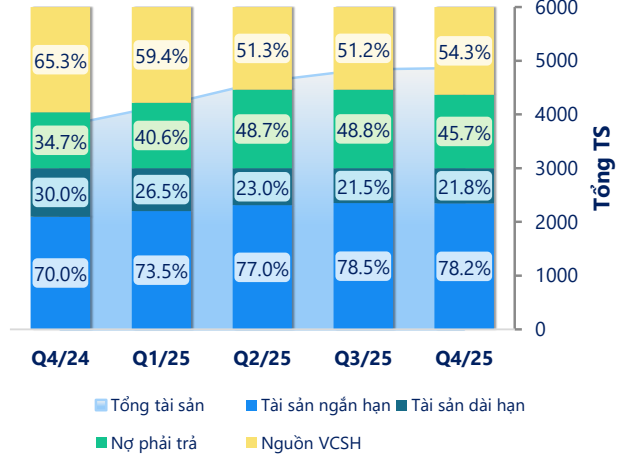
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

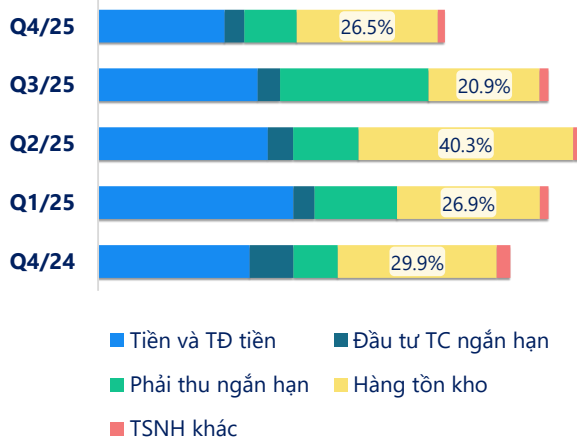
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



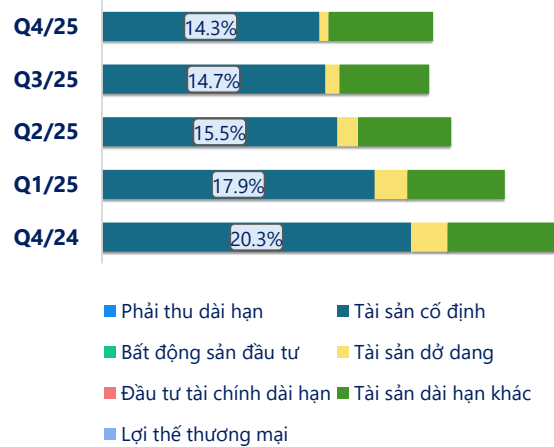
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

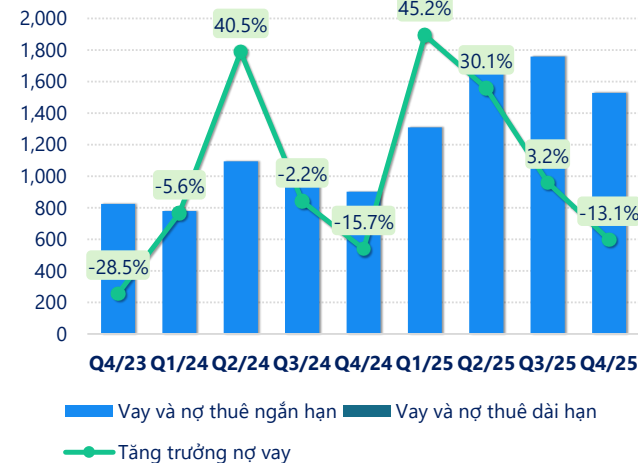
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

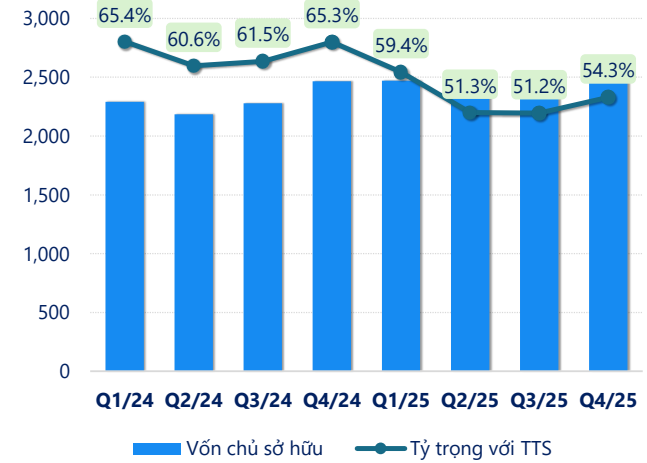
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

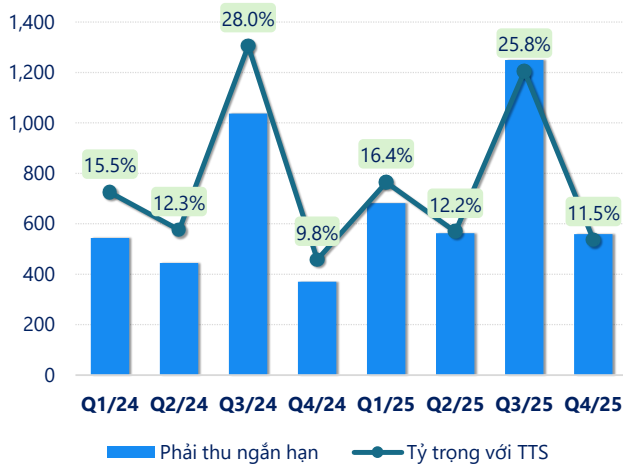
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



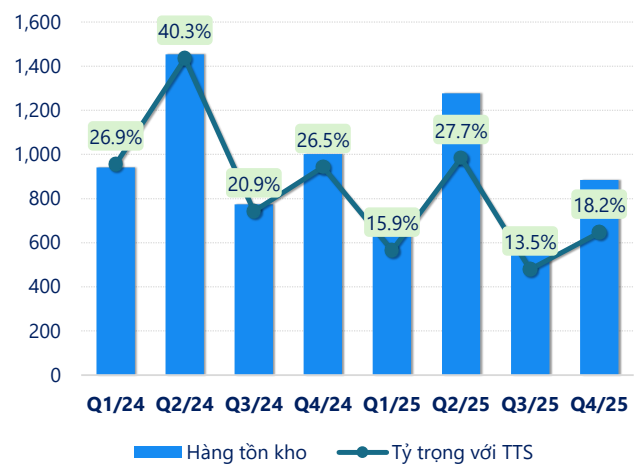
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


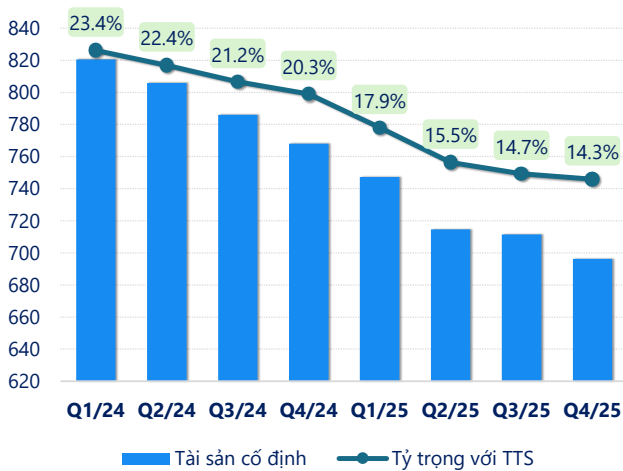
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


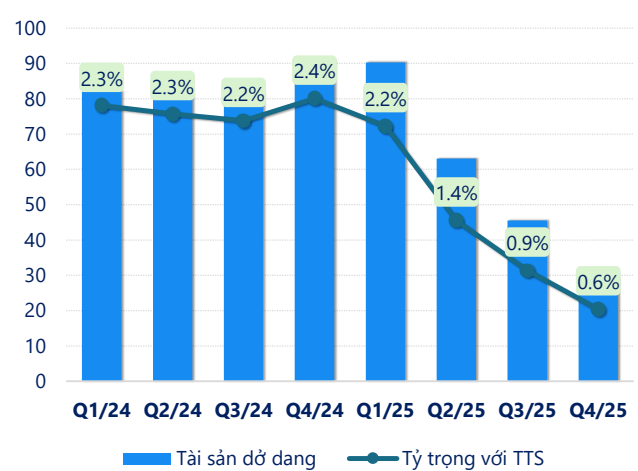
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

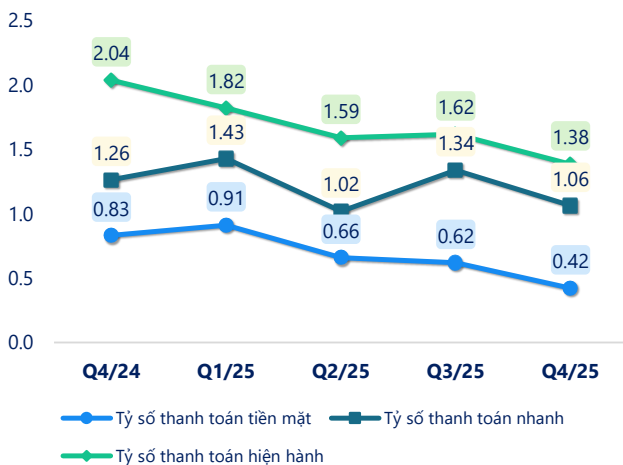
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

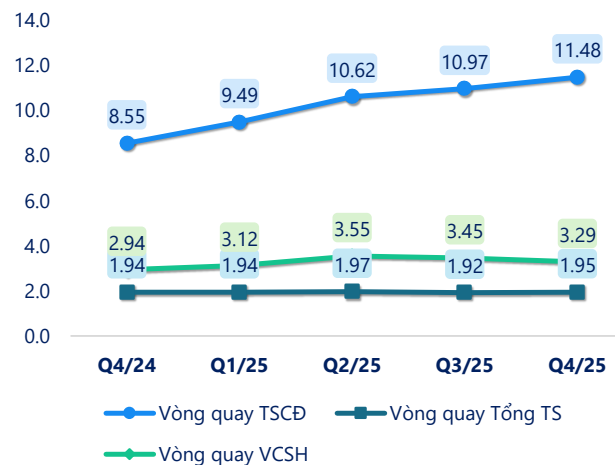
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,775	4,163	4,614	4,841	4,867
Tài sản ngắn hạn	2,641	3,059	3,553	3,798	3,806
Tiền và tương đương tiền	1,077	1,529	1,472	1,455	1,159
Đầu tư tài chính ngắn hạn	140	129	176	317	1,056
Phải thu ngắn hạn	370	682	562	1,249	559
Hàng tồn kho	1,002	661	1,277	653	885
Tài sản ngắn hạn khác	51.3	56.9	64.3	125	147
Tài sản dài hạn	1,134	1,104	1,061	1,043	1,061
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	768	747	715	711	696
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	90.7	90.3	63.1	45.6	29.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	275	267	283	286	335
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,309	1,691	2,246	2,361	2,222
Nợ ngắn hạn	1,297	1,680	2,235	2,350	2,751
Vay và nợ thuê ngắn hạn	902	1,309	1,703	1,758	1,528
Phải trả người bán ngắn hạn	118	147	227	187	113
Nợ dài hạn	11.7	11.5	11.2	11.0	11.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,466	2,472	2,368	2,480	2,645
Vốn chủ sở hữu	2,466	2,472	2,368	2,480	2,645
Vốn điều lệ	654	654	654	654	654
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)